TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03-4-2025
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị H1.

2. Ông Nguyễn Văn Th.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh D – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã K.

Trong ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 120/2024/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1977; địa chỉ: khu phố B, Phường B, thị xã K, tỉnh LA.

Bị đơn: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977; địa chỉ: khu phố B, Phường B, thị xã K, tỉnh LA.

Bà N *có mặt; ông* H *vắng mặt không có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời trình bày trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N *trình bày:*

Ngày 27/112001, bà Nguyễn Thị Kim N và ông Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M (nay là Phường A, thị xã K). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn về nhiều mặt, thường xuyên bất đồng quan điểm. Nguyên nhân là tính tình hai người không hợp, vợ chồng không quan tâm nhau. Mâu thuẫn xảy ra thời gian

dài, hai bên không giải quyết được. Bà N xét thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, hai bên không còn tình cảm với nhau nên bà N yêu cầu được ly hôn.

Về con chung, có hai con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 16/10/2002 và Nguyễn Văn T1, sinh ngày 31/5/2005. Hai con chung đã lớn, không bị dị tật, hiện đã có cuộc sống gia đình tự lập. Bà N không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, bà N không có yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung, bà N trình bày không có.

Bà N trình bày việc ông H không đồng ý tham gia tố tụng. Bà N có đơn xin không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, bà N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà N đồng ý công khai bản án trên cổng thông tin điện tử Tòa án.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng nhưng ông H không đến Tòa án, không có thể hiện ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*:* căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là *"*ly hôn*"*. Ông Nguyễn Văn H cư trú tại khu phố B, Phường B, thị xã K, tỉnh LA. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thị xã K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt ông Nguyễn Văn H: Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, ông H vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông H.

[3]. Về hôn nhân: Ngày 27/112001, bà Nguyễn Thị Kim N và ông Nguyễn Văn H xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M (nay là Phường A, thị xã K) nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N:

[4.1]. Về yêu cầu ly hôn: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Văn H không đến Tòa án và cũng không có ý kiến mà không có lý do, thể hiện ý chí ông H không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Bà Nguyễn Thị Kim N trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do hay bất đồng quan điểm, cãi vã dẫn đến mâu thuẫn không giải quyết được. Mâu thuẫn xảy ra thời gian dài, hai bên không giải quyết được. Điều này thể hiện mâu thuẫn giữa bà N và ông H là có thật và trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông H.

[4.2]. Về con chung: hai con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 16/10/2002 và Nguyễn Văn T1, sinh ngày 31/5/2005. Bà N trình bày hai con chung đã lớn, không bị dị tật, hiện đã có cuộc sống gia đình tự lập. Bà N không yêu cầu giải quyết về con chung. Ông Nguyễn Văn H không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, căn cứ giấy khai sinh thì hai con chung đều đã trưởng thành, không ai có yêu cầu giải quyết nên tòa án không xem xét việc nuôi dưỡng con chung.

[4.3]. Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị Kim N trình bày không yêu cầu giải quyết, ông H không có ý kiến nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến bà N về việc không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

[4.4]. Về nợ chung: bà Nguyễn Thị Kim N trình bày không có, ông H không có ý kiến, cũng không có ai yêu cầu về nợ chung nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến bà N về việc không có nợ chung.

[5]. Về án phí: bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim N đối với ông Nguyễn Văn H.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Nguyễn Thị Kim N về việc không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

4. Về nợ chung: Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Nguyễn Thị Kim N về việc không có nợ chung.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai số 0002766 ngày 27 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K sang thi hành án phí, bà N đã nộp đủ án phí.

6. Bà Nguyễn Thị Kim N có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh LA;
- VKSND thị xã K;
- CC.THADS thị xã K;
- UBND Phường 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

Nguyễn Thanh L